

Số: 23 /QĐ-VKS

Phú Thọ, ngày 11 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của
Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ)

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 148/TB-VKSTC ngày 26/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (cũ);

Xét đề nghị của Văn phòng tổng hợp VKSND tỉnh Phú Thọ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) (Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Viện KSND tỉnh Phú Thọ và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Cục 3 - VKSTC;
- Như điều 3 (T/h);
- Trang TTĐT tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Đình Chữ

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-VKS ngày 21 / 7 /2025
về việc công bố công khai quyết toán năm 2024)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
I	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	43,046,566,381	43,046,566,381	
I	Chi quản lý hành chính	42,787,566,381	42,787,566,381	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	40,068,466,381	40,068,466,381	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	2,719,100,000	2,719,100,000	
2	Chi nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	259,000,000	259,000,000	
	-Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
	-Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	259,000,000	259,000,000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Tài chính và khác			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

Số TT	Nội dung	VP VKSND tỉnh Vĩnh Phúc	VKSND huyện Tam Dương
1	2	3	4
	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại		
I	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	19,837,884,427	2,209,700,000
I	Chi quản lý hành chính	19,578,884,427	2,209,700,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	17,760,784,427	2,126,400,000
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	1,818,100,000	83,300,000
2	Chi nghiên cứu khoa học		
2.1	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	259,000,000	-
	-Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	-Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	259,000,000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
	-Kinh phí nhiệm vụ không tự chủ		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		

Số TT	Nội dung	VKSND huyện Yên Lạc	VKSND TP Phúc Yên
1	2	5	6
	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại		
I	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2,121,100,000	2,980,500,000
I	Chi quản lý hành chính	2,121,100,000	2,980,500,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2,035,500,000	2,866,100,000
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	85,600,000	114,400,000
2	Chi nghiên cứu khoa học		
2.1	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	-Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	-Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
	-Kinh phí nhiệm vụ không tự chủ		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		

Số TT	Nội dung	VKSND huyện Tam Đảo	VKSND huyện Sông Lô
1	2	7	8
	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại		
I	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2,640,700,000	2,152,600,000
I	Chi quản lý hành chính	2,640,700,000	2,152,600,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2,547,200,000	2,072,200,000
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	93,500,000	80,400,000
2	Chi nghiên cứu khoa học		
2.1	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	-Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	-Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
	-Kinh phí nhiệm vụ không tự chủ		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		

Số TT	Nội dung	VKSND TP Vinh Yên	VKSND huyện Bình Xuyên
1	2	9	10
	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại		
I	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3,285,900,000	2,771,800,000
I	Chi quản lý hành chính	3,285,900,000	2,771,800,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3,151,400,000	2,662,000,000
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	134,500,000	109,800,000
2	Chi nghiên cứu khoa học		
2.1	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	-Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	-Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
	-Kinh phí nhiệm vụ không tự chủ		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		

Số TT	Nội dung	VKSND huyện Lập Thạch	VKSND huyện Vĩnh Tường
1	2	11	12
	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
B	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại		
I	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2,442,981,954	2,603,400,000
I	Chi quản lý hành chính	2,442,981,954	2,603,400,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2,343,181,954	2,503,700,000
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	99,800,000	99,700,000
2	Chi nghiên cứu khoa học		
2.1	Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	-Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	-Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
	-Kinh phí nhiệm vụ không tự chủ		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Tài chính và khác		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		